

Bản án số: 448/2020/KDTM-PT

Ngày: 01/06/2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ủ Thị Bạch Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng thi công ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2296/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Trụ sở: 87/44/18 đường PVH, phường TTN, quận MH, Tp.HCM.

Đại diện hợp pháp : Ông Trần Anh Th

* Bị đơn: Công ty Cổ phần SG

Trụ sở: 229 đường PVD, phường M, quận GV, Tp.HCM.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Q

*Người kháng cáo: Công ty Cổ phần SG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018, các bên tự khai, các biên bản làm việc và hòa giải trong quá trình điều tra và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH A (Đại diện ủy quyền: Ông Trần Anh Th) trình bày:

Ngày 23/07/2018 Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) có ký hợp đồng kinh tế số té 08/HĐKT/2018/AC-SGG với Công ty Cổ phần SG (gọi tắt là Công ty SG). Nội dung cung cấp vật tư và thi công hoàn thiện mặt đứng ngoài

nhà 24 căn thuộc công trình “Khu dân cư Cityland Z751-Khu B&D”. Trong thời gian thi công Công ty SG có thu hồi lại 05 căn (L8.1,L8.2,L8.3,L9.1,L9.2,) theo biên bản làm việc số 17.08/2018/BBLV-SGG-GPNAC và 01 căn (L9.3) theo biên bản làm việc số 02/SG-AC ngày 06/09/2018. Số lượng thực tế thi công còn lại là 18 căn.

Ngày 05/10/2018 Công ty A đã thi công hoàn thiện phần sơn nước, Ngày 15/11/2018 đã ký nghiệm thu có xác nhận của ban chỉ huy công trình.

Căn cứ theo điều 2 của hợp đồng kinh tế 08/HĐKT/2018/AC-SGG thì Công ty SG phải tạm ứng thanh toán 80% khối lượng công việc hoàn thành và 95% sau khi nghiệm thu. Ngày 19/10/2018 Công ty A có gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán tạm ứng, ngày 15/11/2018 gửi hồ sơ quyết toán cho Công ty SG theo Điều 2 hợp đồng kinh tế.

Số tiền phải thanh toán theo hợp đồng là 354.422.000 đồng (ba trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng). Chưa bao gồm 33.898.000 đồng (ba mươi ba triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng) tiền bảo hành. Và số tiền phạt chậm thanh toán áp dụng theo điều 06 hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2018/AC-SGG được tính đến ngày 12/11/2019 cụ thể như sau:

Phạt chậm tạm ứng khối lượng: Từ 22/10/2018-15/11/2018:

$237.392.164đ \times 2\% \times 25 \text{ ngày} = 118.696.082 \text{ đồng}$

Phạt chậm thanh quyết toán : ngày 01/12/2018 - 12/11/2019:

$354.422.000đ \times 2\% \times 347 \text{ ngày} = 2.459.688.680 \text{ đồng}$

Tổng số tiền phải thanh toán tính đến 12/11/2019 là:

$354.422.000 \text{ đồng} + 33.898.000 \text{ đồng} + 118.696.082 \text{ đồng} + 2.459.688.680 \text{ đồng} = 2.966.704.760 \text{ đồng}$

(Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn bảy trăm sáu mươi đồng).

Thời gian qua Công ty A đã nhiều lần liên hệ về việc thanh toán khối lượng và làm quyết toán hợp đồng, nhưng Công ty SG cố tình né tránh việc thanh toán bằng nhiều lý do vô lý, có biên bản cam kết thanh toán cuối 10/2018 nhưng không thực hiện. Hiện tại Công ty A đang nợ quá hạn bên nhà cung cấp vật tư, không có nguồn vốn để công ty hoạt động, Công ty A đang phải nợ lương công nhân thi công tại công trình Cityland.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty A ông Trần Anh Th tự nguyện rút lại yêu cầu phạt chậm tạm ứng khối lượng 118.696.082 đồng và tự nguyện điều chỉnh lãi phạt chậm thanh quyết toán theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ ngày 01/12/2018 - 26/11/2019 là 47.055.000 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty SG phải thanh toán cho Công ty A tính đến 26/11/2019 là:

$354.422.000 \text{ đồng} + 33.898.000 \text{ đồng} + 47.055.000 \text{ đồng} = 435.375.000 \text{ đồng}$ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Công ty A, quyền lợi của người lao động của Công ty A và các đơn vị liên quan (nhà cung cấp, công nhân thi công).

Công ty A yêu cầu Tòa án Quận 12 giải quyết buộc Công ty SG thanh toán cho Công ty A toàn bộ số tiền 435.375.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền phạt chậm thanh toán sẽ được tính cho đến khi Công ty SG thanh toán đầy đủ cho Công ty A.

* Bị đơn Công ty Cổ phần SG (gọi tắt là Công ty SG) (Đại diện ủy quyền ông Nguyễn Thành Q) trình bày:

Ngày 23/07/2018 với Công ty Cổ phần SG (Bên B) và Công ty TNHH A (Bên A) có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2018/AC-SGG. Bên A nhận thi công sơn nước cho 24 căn thuộc công trình “Khu dân cư Cityland Z751-Khu B&D” cho bên B.

Trong quá trình thực hiện, Công ty A đã vi phạm thời gian thi công, mặc dù Công ty SG đã nhiều lần nhắc nhở, dẫn đến công trình bị trễ tiến độ trầm trọng, đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến tiến độ hoàn thành công trình. Mặc dù Công ty SG đã rút lại 06 căn để cho đội khác thi công. Nay Công ty SG không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì:

- Căn cứ Hợp đồng và biên bản làm việc các bên, Công ty TNHH A đã vi phạm thời gian bàn giao sơn nước và các công việc defect (Công ty Cổ phần SG đã gửi các thông báo yêu cầu sửa chữa).

- Đồng thời Công ty SG căn cứ vào hợp đồng và các biên bản có liên quan xác định giá trị vi phạm việc chậm tiến độ đã có đơn yêu cầu phản tố ngày 14/02/2019 buộc Công ty TNHH A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty SG số tiền như sau:

- Tiền phạt chậm tiến độ trong vòng 07 ngày là 83.952.000đ (Tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Tiền phạt chậm tiến độ mà bên chủ đầu tư đã phạt Công ty SG, Công ty SG đã tính lại trên đơn giá x với số ngày bên nguyên đơn chậm tiến độ là 1.496.915.000đ.

Ngoài ra, Công ty TNHH A còn phải chịu trách nhiệm chi trả các khoản liên quan đến chi phí phát sinh tiền lãi quá hạn đối với số tiền 614.886.882đ (Sáu trăm mười bốn triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi hai đồng) tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Tây Sài Gòn mà Công ty TNHH A đã yêu cầu Tòa án phong tỏa tài khoản của Công ty SG cho đến ngày vụ án được đưa ra xét xử, ngày 12/11/2019 là 64.153.198đ (Sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Tổng cộng số tiền mà Công ty SG yêu cầu Công ty TNHH A phải có trách nhiệm trả đến ngày 12/11/2019 là 1.645.020.198đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Ngoài ra, Công ty SG còn yêu cầu được tiếp tục tính lãi suất đối với khoản tiền 614.886.882đ (Sáu trăm mười bốn triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi hai đồng) bị phong tỏa cho đến khi thi hành xong bản án.

Công ty SG vẫn công nhận giá trị khối lượng mà Công ty TNHH A đã thực hiện thực tế khoảng hơn 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) (Do chưa đầy đủ hồ sơ quyết toán và biên bản xác nhận của đại diện hai bên pháp nhân). Công ty SG

đã thanh toán cho Công ty TNHH A 323.532.729đ (Ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng) (đã bao gồm tiền bảo hành) và 18.000.000đ tiền thuê nhân công defect lỗi phần sơn nước của Công ty TNHH A chưa thực hiện.

Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A.

Buộc Công ty Cổ phần SG phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 435.375.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần SG chưa thanh toán số tiền trên, thì Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng SG còn phải trả thêm cho Công ty TNHH A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong bản án.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 66/QĐ-KCTT ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12 cho đến khi Công ty Cổ phần SG thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty TNHH A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/11/2019, Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm với các lý do sau: Hồ sơ quyết toán không đầy đủ và không đảm bảo về mặt pháp lý theo quy định trong hợp đồng; Cấp sơ thẩm không xem xét đến việc Nguyên đơn đã chậm tiến độ thi công bàn giao công trình trễ so với thời hạn đã thỏa thuận; Số tiền Bị đơn bị phong tỏa nhiều hơn số tiền mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn làm thiệt hại đến quyền lợi của Bị đơn.

- Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự là hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn chưa được cấp sơ thẩm xem xét và quyết định trong bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần SG còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, Bị đơn là Công ty Cổ phần SG có yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn. Tại bản án sơ thẩm trong phần nhận định có xem

xét về yêu cầu phản tố của Bị đơn là không chấp nhận yêu cầu của Bị đơn, nhưng trong phần tuyên của bản án không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của Bị đơn, đồng thời tại biên bản nghị án thể hiện không có thảo luận và quyết định về yêu cầu phản tố của Bị đơn là vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự về Bản án sơ thẩm: “Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án” và Khoản 3 Điều 264 Bộ luật Tố tụng Dân sự về Nghị án: “Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử”. Với những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn, đó là yêu cầu phản tố của Bị đơn chưa được giải quyết tại cấp sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do hủy bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của Bị đơn chưa được xem xét tại cấp phúc thẩm này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần SG không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2019/KDTM-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.
3. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần SG theo Biên lai thu số 0107841 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

Ủ Thị Bạch Yến